

LUẬT THỦ ĐÔ 39/2024/QH15

BẢNG SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ NHỮNG NỘI
DUNG CỦA LUẬT THỦ ĐÔ 2024 VỚI CÁC
VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CAPITAL LAW 39/2024/QH15

A COMPARISON AND ASSESSMENT
OF PROVISIONS IN THE 2024 CAPITAL
LAW AGAINST OTHER LEGAL TEXTS

2025
NOVEMBER

MONTHLY
HIGHLIGHT

NO.1

BẢNG SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ NHỮNG NỘI DUNG CỦA LUẬT THỦ ĐÔ 2024 SO VỚI NHỮNG NỘI DUNG TƯƠNG ĐỒNG CỦA CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CHUNG, LUẬT CHUYÊN NGÀNH KHÁC VÀ CÁC VĂN BẢN DƯỚI LUẬT KHÁC

Bảng so sánh này được thực hiện đối chiếu với các quy định của pháp luật chuyên ngành khác có sự tương tự hoặc tương đồng gần nhất về mặt nội dung theo đánh giá của VPLS BLF. Nếu như trong trường hợp có sự khác nhau về cùng một vấn đề so sánh thì căn cứ Điều 4 Luật thủ đô số 39/2024/QH15; Điều 4, Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, việc áp dụng pháp luật tại Luật Thủ đô 2024 sẽ được thực hiện như sau:

- Nếu có sự khác biệt với các luật chuyên ngành, Nghị quyết của Quốc hội và văn bản dưới luật thì ưu tiên áp dụng Luật thủ đô 2024;
- Nếu có sự khác biệt với Hiến pháp thì ưu tiên áp dụng Hiến pháp.

Dưới đây là nội dung so sánh, đánh giá theo yêu cầu của Quý Công ty:

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
1	Tổ chức chính quyền	Khoản 1 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 30 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15	Luật Thủ đô quy định số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân Hà Nội là 125 đại biểu, con số này cao hơn so với mức tối đa theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương là 85 đại biểu.	Việc tăng số lượng đại biểu như vậy để đảm bảo Hội đồng nhân dân có đủ thành viên để đại diện cho toàn bộ nhân dân của thủ đô.
		Khoản 2 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 2 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.	Luật Thủ đô quy định số lượng Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân 03 người, con số này đối với các tỉnh, thành phố là từ 02-04 người tùy thuộc vào việc tỉnh, thành phố đó có bị sáp nhập hay không.	Việc quy định số lượng như vậy để đảm bảo năng lực chuyên trách và khả năng xử lý lượng lớn công việc của thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
1	Tổ chức chính quyền		Điều 3 Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 quy định về số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp.		
		Khoản 3 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 3 Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Điều 4 Nghị quyết số 106/2025/UBTVQH15 quy định về số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp.	- Luật Thủ đô quy định số lượng Ban tối đa là 6, con số này đối với các tỉnh, thành phố là từ 03-05 ban tùy thuộc vào việc tỉnh, thành phố đó có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có thì được thành lập thêm Ban Dân tộc). - Luật Thủ đô quy định số lượng Phó Trưởng ban tối đa là 02 người, con số này đối với các tỉnh, thành phố là từ 02-04 người, con số này còn phụ thuộc vào loại Ban cũng như việc tỉnh, thành phố đó có bị sáp nhập hay không.	- Việc quy định số lượng Ban như vậy để đảm bảo năng lực chuyên trách và khả năng xử lý lượng lớn công việc của thủ đô, cũng như các công việc phát sinh khác theo đặc thù của thủ đô. - Việc quy định số lượng Phó Ban như vậy để đảm bảo năng lực chuyên trách và khả năng xử lý lượng lớn công việc của thủ đô đối với lượng công việc của từng ban.
		Khoản 4 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi Điểm a, d Khoản 2 Điều 52	Điều 15, 18 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Điều 4 Nghị định số 158/2018/NĐ-CP quy định về thành lập tổ	- Điểm a khoản 4 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định đặc quyền quyết định riêng thủ đô về số lượng đại biểu và số lượng, tên gọi, phạm vi lĩnh vực phụ trách của các Ban. - Điểm c khoản 4 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định nguyên tắc	- Việc quy định đặc quyền tự quyết định riêng cho thủ đô vừa là để đồng nhất với các quy định đã nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15, vừa là để

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
		Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)	chức lại giải thể tổ chức hành chính.	thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác hơn (tiến bộ, cụ thể hoá hơn về số lượng) so với điểm c, khoản 2 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Điều 4 Nghị định 158/2018/NĐ-CP. - Điểm đ khoản 4 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân Thủ đô được xác định, lập kế hoạch, và đề xuất tổng số lượng biên chế để trình Trình cấp có thẩm quyền quyết định (Thành phố là người đề xuất). Trong khi đó, điểm a khoản 2 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 lại quy định quyền quyết định, phân bổ biên chế trong khuôn khổ chỉ tiêu được giao (các tỉnh, thành phố là người thực hiện).	khẳng định lại đặc quyền của Thủ đô. - Việc quy định nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính tại Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho phép linh hoạt, chủ động trong việc quyết định các vấn đề tổ chức bộ máy, đặc biệt là khi có sự khác biệt hoặc chưa có quy định từ cấp trên. - Quy định quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân Thủ đô như vậy nhằm trao quyền chủ động cho Thủ đô trong việc đánh giá nhu cầu, phân tích các yếu tố đặc thù, khả năng cân đối ngân sách, đặc điểm chính trị để xây dựng đề xuất, thay vì chỉ chờ đợi chỉ tiêu từ cấp trên.
		Khoản 5 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 14 Điều 31 Luật Tổ chức chính	Khoản 5 Điều 9 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 đề cập đến các khoản chi đã được dự toán và phê duyệt theo kế	Việc cho phép Thủ đô chi tiêu cụ thể được thực hiện theo kế hoạch đã được tính toán từ

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
		(được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ bởi điểm c khoản 6 Điều 102 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15)	quyền địa phương số 72/2025/QH15	hoạch thường niên bởi Hội đồng nhân dân, trong khi khoản 14 Điều 31 đề cập đến việc quyết định chi đối với các trường hợp đột xuất, cấp bách, không nằm trong kế hoạch thường niên, do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định.	trước giúp các cơ quan, đơn vị chủ động trong việc triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ vì đã xác định rõ nguồn vốn và mức hỗ trợ tối đa thay vì phải đợi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với những trường hợp đặc thù mà chỉ xuất hiện tại Thủ đô.
		Điều 10 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 16, 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15	- Khoản 2 Điều 10 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định về việc sắp xếp và điều chỉnh nhân sự bên trong bộ máy hành chính đã có sẵn, trong khi đó khoản 7 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 chỉ quy định việc quản lý, kiểm soát tổng thể số lượng biên chế của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được trả lương từ ngân sách nhà nước tại các cấp chính quyền địa phương và đơn vị sự nghiệp. - Khoản 3 Điều 10 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 tập trung vào việc thành lập mới Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân (UBND) Thành phố, kèm	- Việc cho phép Thủ đô tự quyết định về việc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức giúp Thủ đô chủ động hơn trong việc thực hiện điều chỉnh cơ cấu nhân sự của bộ máy thủ đô, đáp ứng nhu cầu kịp thời, cấp thiếu nếu có. - Việc cho phép Thủ đô tự quyết định việc thành lập ĐVSNCL mới theo quy định riêng của Hội đồng nhân dân tạo ra cơ chế chủ động trong việc xây dựng sự nghiệp công của thủ đô nhưng vẫn phải bảo

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				theo quy định về trình tự, thủ tục của HĐND Thành phố, trong khi đó khoản 6 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định tổng quát hơn, bao gồm nhiều quyền hạn khác nhau (thành lập, tổ chức lại, giải thể, ...) đối với ĐVSNCL thuộc UBND cấp mình và áp dụng theo quy định pháp luật chung.	đảm định hướng chung của cả nước
		Điều 14 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 52 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15)	Điều 13, 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15	- Điểm a Khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 chỉ quy định chung, khái quát về việc phân cấp, phân quyền, trong khi tại Điều 13, 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định việc phân quyền cụ thể hợp chi tiết, toàn diện và có hệ thống hơn, quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn, điều kiện, quy trình, và cơ chế điều chỉnh thủ tục liên quan đến việc phân cấp, uỷ quyền. - Điểm b Khoản 1 Điều 14 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản quy định việc điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền của các cơ quan liên quan	Về cơ bản, việc phân cấp, uỷ quyền của Thủ đô vẫn sẽ phải thực hiện cụ thể theo quy trình tại Điều 13, 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15. Tuy nhiên, Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 trao quyền điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền của các cơ quan thực hiện trong quá trình được phân cấp, uỷ quyền.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				trong quá trình giải quyết công việc phù hợp với việc được phân cấp, ủy quyền, trong khi đó tại điều Điều 13, 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 không quy định nội dung này	
		Điều 17 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15)	Điều 7, 48 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 145/2025/NĐ-CP)	- Khoản 1, 2 Điều 17 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định các nguyên tắc riêng đối với việc xây dựng và phát triển Thủ đô theo Quy hoạch Thủ đô, trong khi Điều 7 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 quy định các nguyên tắc chung trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn trên phạm vi cả nước. - Khoản 3 Điều 17 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung khu chức năng, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật của Thành phố và tự quy định trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường, điều chỉnh cục bộ quy hoạch, trong khi khoản 2 Điều 48 Luật	- Quy định tại khoản 1, 2 Điều 17 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho thấy định hướng quy hoạch của tương lai đối với Thủ đô là văn hiến, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững, môi trường sống trong lành, an ninh nguồn nước với sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hòa hai bên sông sông Hồng và sông Đuống. - Khoản 3 Điều 17 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 mở rộng quyền cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố tự quyết định, quy định thủ tục điều chỉnh nhiều nội dung quy hoạch hơn

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 chỉ trao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định.	tạo sự phân cấp, ủy quyền mạnh mẽ cho chính quyền Thủ đô, tăng tính linh hoạt và chủ động trong công tác quản lý và điều chỉnh quy hoạch.
2	Quy hoạch	Điều 19 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 34 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Điều 34 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 quy định cách làm ra bản quy hoạch chi tiết cho không gian ngầm, trong khi Điều 19 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định cách áp dụng và quản lý các hoạt động xây dựng, sử dụng không gian ngầm đó theo bản quy hoạch đã được phê duyệt	Quy định tại Điều 19 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho thấy việc khai thác, sử dụng không gian ngầm trong tương lai sẽ ngày càng được quan tâm với việc thu tiền sử dụng không gian ngầm
		Khoản 5 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (được sửa đổi bởi Điều 250 Luật Đất đai số 31/2024/QH15)	Tại khoản 5 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm ... và trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm ... thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư là sự áp dụng cụ thể các quy định tại Điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (được sửa đổi bởi Điều 250 Luật Đất đai số 31/2024/QH15)	Quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 vẫn áp dụng nguyên tắc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án giống với quy định của Luật Đầu tư để tạo ra sự thống nhất giữa các luật chuyên ngành, đồng thời quy định một tỷ lệ ngưỡng đồng thuận theo số đông (75%) trong công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị, điều

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
					này vừa bảo đảm được quyền quyết định của đại đa số người dân, vừa tạo được tính chủ động của chính quyền Thủ đô.
		Khoản 6 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 27 Điều 79, khoản 1, 2 Điều 91 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (được sửa đổi bởi Nghị định 151/2025/NĐ-CP)	- Khoản 6 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định việc hồi đất, tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp cấp bách cần cải tạo, chỉnh trang đô thị mà không lựa chọn được nhà đầu tư, điều này phù hợp với trường hợp thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng tại Khoản 27 Điều 79. - Đối với nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã có sự bổ sung cụ thể hơn so với khoản 2 Điều 91 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (được sửa đổi bởi Nghị định 151/2025/NĐ-CP) về việc xử lý số tiền đấu giá đất sau khi thu hồi và thực hiện công tác bồi thường còn dư nhưng vẫn đảm bảo được nguyên tắc bồi thường tại khoản 1 Điều 91 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.	Khoản 6 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 vẫn dựa trên quy định về trường hợp thu hồi đất của Luật Đất đai để đảm bảo đồng nhất giữa các luật chuyên ngành nhưng đối với nội dung về bồi thường thì có sự chi tiết, rõ ràng hơn với việc xác định số tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất nếu lớn hơn số tiền chi cho công tác bồi thường thì được tiếp tục phân chia và chi trả cho các chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất bị thu hồi đất. Đây là quy định mới riêng biệt của Luật Thủ đô về bồi thường khi chỉ quyền Thủ đô thu hồi đất của người dân

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
		Khoản 7 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 2 Điều 60 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15)	Khoản 7 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 và Khoản 2 Điều 60 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 đều khẳng định nguyên tắc cơ bản là việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ bắt buộc phải phù hợp với quy hoạch đô thị và phải gắn liền với yêu cầu cải tạo, chỉnh trang đô thị của cả khu vực. Tuy nhiên, nội dung Luật Nhà ở quy định chi tiết và toàn diện hơn không chỉ dừng lại ở sự phù hợp với quy hoạch đô thị mà còn mở rộng yêu cầu tuân thủ nhiều loại quy hoạch và kế hoạch khác như quy hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở cấp tỉnh và kế hoạch cải tạo đã được phê duyệt.	Quy định tại Khoản 7 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 tạo ra sự đồng nhất với quy định của Luật nhà ở trong việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ. Tuy không quy định bao quát như luật nhà ở nhưng Luật Thủ đô lại có các quy định cụ thể, chi tiết hơn về quy hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển nhà ở đối với Thủ đô được quy định tại những điều khoản khác trong luật.
		Khoản 8 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điểm b khoản 1 Điều 164 Luật xây dựng số 50/2014/QH13	Cả hai quy định này đều thể hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân đối với các công trình trên địa bàn, bao gồm việc đảm bảo và hỗ trợ về chất lượng công trình. Điểm khác biệt chính là tại Khoản 8 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 tập trung vào chính sách hỗ trợ tài chính (từ ngân sách nhà nước) để kiểm định và cải tạo, chỉnh	Khoản 8 Điều 20 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho phép Ủy ban nhân dân Thành phố tự bố trí kinh phí để hỗ trợ kiểm định chất lượng công trình, hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị, tạo sự chủ động, kịp thời, cấp thiết đối với việc cải tạo các công

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				trang đối với các loại hình đặc thù như công trình kiến trúc có giá trị có nhiều chủ sở hữu, mang tính khuyến khích và bảo tồn. Trong khi đó, Điểm b khoản 1 Điều 164 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 nhấn mạnh vào trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm về chất lượng đối với tất cả các dự án đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý, thể hiện vai trò quản lý hành chính, chuyên môn bắt buộc của Ủy ban nhân dân.	trình xuống cấp nghiêm trọng của Thủ đô.
		Khoản 1 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 4 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14	Cả hai nội dung đều thống nhất về tầm quan trọng của giáo dục chất lượng cao, hiện đại hóa và sự cần thiết phải gắn giáo dục với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ. Tuy nhiên, Luật Giáo dục là nguyên tắc khung, cấp quốc gia, nhấn mạnh vai trò và sự cân bằng trong cơ cấu ngành nghề. Trong khi đó, Luật Thủ đô quy định mục tiêu cụ thể cho Thủ đô, tập trung vào việc đạt vị thế trung tâm lớn, tiêu biểu bằng cách thích ứng mạnh mẽ với các xu thế hiện đại như	Khoản 1 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 thể hiện định hướng giúp tăng cường vị thế quốc tế của Thủ đô, thu hút đầu tư vào lĩnh vực giáo dục- đào tạo tại Thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.	
3	Giáo dục, đào tạo	Khoản 2 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 97 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14	Hai nội dung đều có điểm giống là nhấn mạnh trách nhiệm của Nhà nước trong việc ưu tiên đầu tư tài chính và đất đai để xây dựng, phát triển cơ sở giáo dục công lập. Tuy nhiên, Luật Thủ đô tập trung cụ thể vào yêu cầu chất lượng và môi trường sư phạm của trường học. Trong khi đó, Luật Giáo dục mang tính quản lý vĩ mô hơn, nêu rõ trách nhiệm của các cấp chính quyền.	Khoản 2 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 hướng tới chuyển đổi hệ thống giáo dục công lập từ việc chỉ đáp ứng nhu cầu cơ bản sang việc hướng tới chất lượng cao, an toàn và toàn diện, đặt sức khỏe và môi trường học tập lý tưởng của học sinh lên hàng đầu
		Khoản 3 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 108 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14	Cả hai nội dung đều giống nhau ở việc đề cập đến hình thức liên kết giáo dục với nước ngoài và đều giao cho Chính phủ trách nhiệm quy định chi tiết về việc thực hiện. Tuy nhiên, hai nội dung có sự khác biệt lớn về phạm vi bởi Luật Giáo dục là điều khoản mang tính nguyên tắc, tổng quát áp dụng cho nhiều hình thức hợp tác, đầu tư của nước ngoài (như liên kết, lập văn phòng, cơ sở giáo dục) và đặt ra các yêu cầu chung về tôn trọng văn hóa, giáo dục nhân cách. Trong khi đó, Luật thủ đô quy định cụ thể hơn, chỉ áp	Khoản 3 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 hướng tới mục tiêu trong tương lai là mở rộng cơ hội tiếp cận các chương trình giáo dục quốc tế (tích hợp) chất lượng cao cho học sinh trường công tại Thủ đô, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, năng lực ngoại ngữ và năng lực đội ngũ giáo viên của Thủ đô

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				dụng cho hình thức liên kết giáo dục tại các cơ sở mầm non, phổ thông công lập của Thành phố, xác định rõ đối tượng được phép thực hiện.	
		Khoản 4 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14	Cả hai nội dung trên đều đề cập đến vai trò và thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước trong việc điều tiết các vấn đề tài chính giáo dục, cụ thể là học phí và các khoản thu dịch vụ. Điểm khác biệt chính là ở phạm vi điều chỉnh, Luật giáo dục quy định cơ chế phân cấp chung trên toàn quốc về thu và quản lý học phí, trong đó chính phủ đưa ra cơ chế tổng thể và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức cụ thể cho trường công lập. Trong khi Luật Thủ đô quy định những vấn đề tài chính đặc thù và chính sách hỗ trợ học phí riêng biệt của Hội đồng nhân dân thủ đô cho các loại hình cơ sở giáo dục (bao gồm cả dân lập, tư thực) và học nghề trên địa bàn.	Khoản 4 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 thể hiện sự chủ động và can thiệp sâu rộng của Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc định hình chính sách tài chính giáo dục, tác động nổi bật nhất là việc hỗ trợ học phí cho học sinh không phân biệt trường công lập, dân lập hay tư thực, điều này giúp giảm đáng kể gánh nặng tài chính cho phụ huynh. Đồng thời, việc quy định cơ chế tài chính đặc thù cho các cơ sở công lập chất lượng cao cũng cho phép các trường này linh hoạt hơn trong việc huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu giáo dục mũi nhọn của đô thị.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
		Điểm a, c khoản 5 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 31 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14	Luật Giáo dục quy định về Chương trình Giáo dục Phổ thông quốc gia mang tính thống nhất, bắt buộc cho cả nước, do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành sau khi có sự thẩm định của Hội đồng Quốc gia. Ngược lại, Luật Thủ đô trao quyền cho Ủy ban nhân dân Thành phố để quy định các tiêu chí và thực hiện điều chỉnh, bổ sung chương trình (chỉ giới hạn ở một số môn học, hoạt động bổ trợ) nhằm tạo ra sự khác biệt cho cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao của địa phương, hướng tới tiêu chuẩn khu vực và quốc tế.	Điểm a, c khoản 5 Điều 22 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 tạo cơ chế đặc thù quan trọng để đột phá chất lượng giáo dục tại Thủ đô theo hướng hội nhập và chất lượng cao.
		Khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Nghị quyết Số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Quyết định số 569/QĐ-TTg ban hành chiến lược phát triển khoa học, công nghệ	- Luật Thủ đô cụ thể hóa của tinh thần chung trong Nghị quyết của Trung ương và quyết định của Chính phủ, áp dụng cho bối cảnh của Thủ đô để tạo thành một trọng điểm phát triển về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở cấp độ quốc gia và khu vực, trong khi Nghị quyết của Trung ương và quyết định của Chính phủ là khuôn khổ chiến lược chung cho sự phát triển của hệ thống đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên toàn quốc	Khoản 1 Điều 23 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 định hướng phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thủ đô đồng thời cho phép Thủ đô được quyền tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm phù hợp với tình hình phát triển của Thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
			và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.	- Các lĩnh vực trọng điểm của Thủ đô là phù hợp tuyệt đối với danh mục các công nghệ chủ chốt và nhiệm vụ ưu tiên được Chiến lược quốc gia xác định tại Quyết định số 569/QĐ-TTg.	
4	Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Khoản 2, 3 Điều 23 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 2 Điều 6 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15	Luật Thủ đô quy định các chính sách đặc thù và cụ thể hóa dành riêng cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, bao gồm các cơ chế về quản lý, tài chính (như khoán kinh phí, thu nhập không chịu thuế TNCN) và hỗ trợ địa phương, trong khi đó, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định các chính sách chiến lược vĩ mô cấp quốc gia, tập trung vào phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo đồng bộ, thu hút nhân tài, mở rộng hội nhập quốc tế và phát triển cân đối giữa các vùng miền, thể hiện tầm nhìn toàn diện trên cả nước.	Khoản 2, 3 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 quy định các chính sách nhằm tăng cường huy động nguồn lực xã hội hóa bằng cách trao các ưu đãi tương tự doanh nghiệp công nghệ cao cho các đơn vị chủ trì, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn kinh tế - xã hội Thủ đô.
		Khoản 1 Điều 24 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Công nghiệp	Điều 4 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP quy định về khu công nghệ cao (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 178/2025/NĐ-CP	Cả hai quy định này đều quy định về việc xây dựng, phát triển các khu công nghệ cao, nhưng tập trung vào các giai đoạn và khía cạnh khác nhau bởi Luật thủ đô mang tính chất thực thi và quản lý, xác định rõ thẩm quyền của Ủy ban nhân dân	Khoản 1 Điều 24 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 phân quyền mạnh mẽ cho Ủy ban nhân dân Thành phố, cho phép chính quyền Thủ đô chủ động quyết định việc thành lập, điều

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
		công nghệ số số 71/2025/QH15)	hướng dẫn Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn 2025)	Thành phố trong việc thành lập, điều chỉnh, ban hành quy chế hoạt động, phân cấp quản lý đất đai và cam kết áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất cho các dự án tại khu công nghệ cao, trong khi Nghị định 10/2024/NĐ-CP chỉ mang tính chất quy hoạch và lập kế hoạch, quy định chi tiết về Phương án phát triển khu công nghệ cao là một phần của Quy hoạch tỉnh, bao gồm các mục tiêu, danh mục và các điều kiện khắt khe phải đáp ứng (về vị trí, hạ tầng, khả năng thu hút đầu tư,...) để được phê duyệt, tạo căn cứ pháp lý cho việc thành lập và xây dựng khu công nghệ cao nói chung.	chỉnh ranh giới và ban hành quy chế hoạt động của các khu công nghệ cao, đồng thời việc cam kết áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi cao nhất sẽ thúc đẩy việc đầu tư nhiều vào lĩnh vực này.
		Khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15)	Điều 47 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP	Cả 2 quy định đều cho phép Ban Quản lý khu công nghệ cao thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp thông qua việc cấp phép, chấp thuận trong các lĩnh vực cốt lõi như quy hoạch xây dựng, đầu tư, đất đai, và lao động nước ngoài. Tuy nhiên, Nội dung tại Nghị định 10/2024/NĐ-CP có phạm vi và độ chi tiết rộng hơn rất nhiều, mở rộng thẩm	Khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 xác định ban Quản lý khu công nghệ cao là tổ chức hành chính và quy định các quyền hạn, nhiệm vụ cụ thể cho một tổ chức hành chính tuy nhiên vẫn nằm trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ chung của ban Quản lý khu

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				quyền ra ngoài các hoạt động cấp phép hành chính đơn thuần để bao gồm cả quản lý tài chính, ngân sách, thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các dự án hạ tầng, quản lý toàn diện các vấn đề về khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, an toàn, an ninh trật tự, đồng thời đóng vai trò là cơ quan đăng ký đầu tư và đăng ký kinh doanh, thể hiện một quy định khung pháp lý toàn diện về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý khu công nghệ cao cao hơn sao với Luật Thủ đô.	công nghệ cao theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 10/2024/NĐ-CP
		Điều 25 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 21, 22, 23 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15	Cả hai đều thiết lập cơ chế Thử nghiệm có kiểm soát, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp triển khai thử nghiệm công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới, sáng tạo trong thời hạn tối đa 03 năm (có thể gia hạn 01 lần không quá 03 năm) và trong phạm vi giới hạn để đánh giá rủi ro và làm cơ sở hoàn thiện pháp luật, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng và có cơ chế miễn, loại trừ trách nhiệm (trừ trường hợp cố tình bỏ qua rủi ro đã biết) cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp,	Điều 25 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho phép các ý tưởng, mô hình kinh doanh mới (ưu tiên công nghệ cao) vượt qua rào cản pháp lý hiện hành để thử nghiệm trong điều kiện thực tế, qua đó giải phóng nguồn lực sáng tạo. Về mặt quản lý, quy định này giúp chính quyền Thủ đô chủ động kiểm soát rủi ro, thu thập dữ liệu thực tiễn và làm cơ sở để hoàn thiện, ban hành các văn

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				cùng với yêu cầu bảo vệ quyền lợi và thông tin đầy đủ cho người tham gia. Tuy nhiên, Luật thủ đô cụ thể hóa thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc quyết định thử nghiệm, phạm vi miễn trừ pháp luật và ưu tiên về địa bàn triển khai, trong khi Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lại mang tính nguyên tắc chung với phạm vi rộng hơn và làm rõ hơn về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của doanh nghiệp đối với tổ chức, cá nhân khác trong quá trình thử nghiệm.	bản pháp luật riêng biệt cho thủ đô một cách kịp thời và sát thực tế tình hình tại Thủ đô.
		Khoản 1 Điều 26 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 4 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15	Hai nội dung đều có cùng định hướng chung là phát triển hệ thống y tế hiện đại, toàn diện, bảo đảm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, củng cố y tế cơ sở, phát triển y học gia đình và hệ thống cấp cứu ngoại viện và khuyến khích ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số và huy động nguồn lực xã hội nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên, Luật Thủ đô 2024 mang tính đặc thù địa phương rõ rệt khi tập trung vào việc xây dựng hệ thống y tế	So với Điều 4 Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023, quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thủ đô 2024 thể hiện bước phát triển cao hơn về tư duy quản trị y tế đô thị, phản ánh vai trò đặc biệt của Hà Nội trong hệ thống y tế quốc gia. Luật Thủ đô hướng đến tính đột phá và dẫn dắt – trao cho Hà Nội quyền chủ động xây dựng mô hình, huy động nguồn lực và ứng

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				Thủ đô tiên tiến, phù hợp quy mô dân số và địa bàn, đồng thời đặt mục tiêu Hà Nội trở thành trung tâm y tế lớn của cả nước và khu vực. Trong khi đó, Luật Khám bệnh, chữa bệnh 2023 có phạm vi toàn quốc, chú trọng đến công bằng xã hội, ưu tiên cho người yếu thế và vùng khó khăn, thể hiện vai trò chủ đạo của Nhà nước trong quản lý và điều phối hệ thống y tế chung.	dụng công nghệ ở tầm quốc tế. Nhờ đó, Luật Thủ đô không chỉ cụ thể hóa tinh thần của Luật Khám bệnh, chữa bệnh mà còn mở rộng phạm vi hành động, tạo cơ chế linh hoạt hơn để Hà Nội trở thành đầu mối nghiên cứu, đào tạo, cấp cứu và chuyển giao kỹ thuật y tế trong cả nước.
5	Chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội	Khoản 1 Điều 26 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 Khoản 9 Điều 119 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh	Khoản 2 Điều 26 Luật Thủ đô 2024 đã trao cho Hội đồng nhân dân Thành phố (HĐND) quyền lực để tạo ra công cụ tài chính cụ thể nhằm thực hiện các nguyên tắc đó. Cụ thể, trong khi Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) giới hạn phạm vi chi trả, Luật Thủ đô cho phép HĐND dùng ngân sách Thành phố để "lấp đầy" khoảng trống bằng cách hỗ trợ thanh toán một số dịch vụ y học gia đình và cấp cứu ngoại viện chưa được BHYT thanh toán (Khoản 2a, 2b). Đặc biệt, HĐND Thành phố được trao quyền chủ động quy định mức giá cho các dịch vụ y tế đặc thù mới này (Khoản 2c), một thẩm quyền định giá	Quy định này mang tính đột phá cao vì nó biến ngân sách Thành phố Hà Nội thành một "Quỹ Hỗ trợ và Phát triển Y tế Đặc thù", cho phép Thủ đô tự chủ giải quyết ba vấn đề cốt lõi: Quá tải tuyến trên, Chất lượng y tế cơ sở và Năng lực chuyên môn cao. Việc phân quyền định giá và quyền sử dụng ngân sách để hỗ trợ dịch vụ y tế chưa được BHYT chi trả là cơ chế chưa từng có, giúp Hà Nội có thể đi đầu cả nước trong việc hình thành và phát triển

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				vượt ra khỏi khuôn khổ luật chung. Thêm vào đó, thay vì chỉ khuyến khích chung chung, Luật Thủ đô cho phép Thành phố trực tiếp hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài và chuyển giao công nghệ hiện đại cho y tế công lập (Khoản 2d), nâng cao chất lượng chuyên môn cấp cao, điều mà các luật chuyên ngành chỉ nhắc đến ở mức độ nguyên tắc.	mô hình y học gia đình hiệu quả
		Khoản 2, 4 Điều 27 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điểm a khoản 7 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15	Cả hai nội dung đều khẳng định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố trong việc quyết định các chính sách nhằm đảm bảo an sinh và phát triển xã hội tại địa phương. Tuy nhiên, Luật Thủ đô đi vào chi tiết cụ thể các chính sách xã hội liên quan đến bố trí ngân sách hỗ trợ giảm nghèo, giải quyết việc làm, vay mua nhà ở xã hội, và hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các đối tượng mục tiêu như công nhân và hộ dân tộc thiểu số nghèo. Trong khi đó, Luật Tổ chức chính quyền địa phương chỉ mang tính khái quát và bao quát hơn, quy định chung về thẩm quyền quyết định chính sách và biện pháp toàn	Khoản 2 Điều 27 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 nhằm hướng đến mục tiêu cân bằng lại đời sống dân tại Thủ đô với việc tạo ra nhiều chính sách xoá đói, giảm nghèo, an sinh xã hội để giảm bớt sự phân hoá giàu nghèo, tạo ra công ăn, việc làm, chỗ ở cho nhiều người dân sống tại Thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				diện mang tính đường lối của địa phương theo quy định của pháp luật.	
		Điểm a Khoản 3 Điều 27 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 1 Điều 5 Nghị định 159/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện	Cả hai nội dung đều quy định về chính sách Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người tham gia, phân loại đối tượng theo tình trạng hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng khác. Tuy nhiên, Luật Thủ đô đề xuất hoặc áp dụng mức hỗ trợ rất cao và rộng hơn (100% cho hộ nghèo, tối thiểu 60% cho hộ cận nghèo). Ngược lại, Nghị định 159/2025/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ thấp hơn và cụ thể hơn (50% cho hộ nghèo, 40% cho hộ cận nghèo) và mở rộng thêm đối tượng ưu tiên như dân tộc thiểu số, đồng thời xác định rõ nguyên tắc hỗ trợ theo mức cao nhất khi người tham gia thuộc nhiều nhóm đối tượng.	Điểm a Khoản 3 Điều 27 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 sẽ làm tăng tỷ lệ tham gia của nhóm người thu nhập thấp, đảm bảo được vấn đề an sinh xã hội tại Thủ đô.
		Điểm b, c Khoản 3 Điều 27 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 6 Điều 6 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế. Tiểu mục 4 Mục III Nghị quyết 72-NQ/TW	- Cả hai nội dung đều thể hiện chính sách an sinh xã hội quan trọng là hỗ trợ chi phí đóng Bảo hiểm y tế cho các đối tượng dễ bị tổn thương, với điểm tương đồng rõ nhất là việc hỗ trợ người thuộc hộ cận nghèo. Tuy nhiên, Luật Thủ đô chỉ mang tính chất là quy định bổ sung, nâng cao	Điểm b Khoản 3 Điều 27 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 sẽ làm tăng tỷ lệ được khám chữa bệnh của những nhóm yếu thế tại Thủ đô, đảm bảo quyền cơ bản quyền cơ bản của người dân tại Thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
			về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.	mức hỗ trợ (chủ yếu là 100%) và mở rộng đối tượng (như người cao tuổi từ 70 tuổi trở lên, người khuyết tật) tại Thủ đô so với quy định chung của cấp trên. Trong khi đó, Nghị định 118/2025/NĐ-CP là một quy định pháp luật chi tiết về mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, xác định các mức hỗ trợ tối thiểu cụ thể (từ 30% đến 100%) và liên kết chặt chẽ với các điều khoản của Luật Bảo hiểm y tế kèm theo các điều kiện và thời gian hỗ trợ rõ ràng cho từng nhóm đối tượng cụ thể. - Ngoài ra, Luật Thủ đô còn quy định việc hỗ trợ thực hiện chương trình khám sức khỏe miễn phí hằng năm cho người cao tuổi trên địa bàn Thủ đô theo đúng tinh thần của Nghị quyết 72-NQ/TW.	
		Khoản 1 Điều 28 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 4, Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Cả hai văn bản đều lấy phát triển bền vững làm nguyên tắc cao nhất, coi bảo vệ môi trường là yếu tố tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, khẳng định vai trò của kinh tế tuần hoàn là định hướng quan trọng và chú trọng đến việc bảo vệ các yếu tố tự nhiên, đa dạng sinh	Khoản 1 Điều 28 Luật Thủ đô tập Khoản 1 Điều 28 Luật Thủ đô vào "Thủ đô", nhấn mạnh cụ thể việc "duy trì các yếu tố tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, lịch sử của Thủ đô" và "bảo đảm tỷ lệ không gian

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				học. Khoản 1 Điều 28 nhấn mạnh việc duy trì các yếu tố này tại Thủ đô, trong khi khoản 3 Điều 5 Luật BVMT nhấn mạnh chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, Luật BVMT 2020 chỉ quy định chung về bảo vệ môi trường đô thị mà không đề cập cụ thể đến "tỷ lệ không gian xanh" ở cấp độ nguyên tắc. Trong khi đây là một chỉ tiêu cụ thể, bắt buộc nhằm giải quyết vấn đề thiếu không gian xanh đặc trưng của các đô thị lớn.	xanh theo quy hoạch". Việc đặt "tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch" vào ngay trong nguyên tắc bảo vệ môi trường cho thấy Luật Thủ đô ưu tiên giải quyết vấn đề đặc thù của một siêu đô thị lớn, nơi không gian xanh là tài sản quý giá và cần được kiểm soát chặt chẽ. Việc đặt "tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch" vào ngay trong nguyên tắc bảo vệ môi trường cho thấy Luật Thủ đô ưu tiên giải quyết vấn đề đặc thù của một siêu đô thị lớn, nơi không gian xanh là tài sản quý giá và cần được kiểm soát chặt chẽ.
6	Môi trường	Khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 10, Điều 65, Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Khái niệm "vùng phát thải thấp" và thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ chuyển đổi phương tiện hoàn toàn do HĐND Thành phố quyết định là điểm đột phá của Luật Thủ đô, cho phép Hà Nội chủ động giải quyết vấn đề ô nhiễm	Khoản 2 Điều 28 của Luật Thủ đô 2024 thể hiện sự phân cấp thẩm quyền mạnh mẽ từ Chính phủ xuống HĐND Thành phố. Cho phép Thủ đô vượt ra khỏi các quy định chung của Luật BVMT 2020 để tự xây dựng các

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				không khí đô thị vượt trội so với luật chuyên ngành.	công cụ quản lý đột phá, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông và quản lý chất thải đô thị, nhằm đạt được mục tiêu bảo vệ môi trường với tiêu chuẩn cao cấp hơn so với cả nước dựa trên các nguyên tắc và định hướng đã được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
		Khoản 2 Điều 28 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 Khoản 1 Điều 29 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 88 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 35 Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường	Luật Thủ đô cho phép HĐND Thành phố chủ động ban hành các biện pháp hỗ trợ việc di dời các cơ sở sản xuất trong khu dân cư, cơ sở sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề ở nông thôn đã được quy định cụ thể tại Điều 56 Luật BVMT 2020 và Điều 35 Nghị định 08/2022/NĐ-CP nhằm đẩy nhanh quá trình di dời vốn phức tạp tại đô thị.	Khoản 2 Điều 28 của Luật Thủ đô 2024 thể hiện sự phân cấp thẩm quyền mạnh mẽ từ Chính phủ xuống HĐND Thành phố. Cho phép Thủ đô vượt ra khỏi các quy định chung của Luật BVMT 2020 để tự xây dựng các công cụ quản lý đột phá, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông và quản lý chất thải đô thị, nhằm đạt được mục tiêu bảo vệ môi trường với tiêu chuẩn

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
			Khoản 6 Điều 73 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14	Luật Thủ đô trao quyền hành động cho HĐND Thành phố để tăng cường các biện pháp bắt buộc giảm thải nhựa và quyết định cơ chế ưu đãi cho công nghệ tái chế chất lượng cao trên địa bàn, mang tính chủ động, thực thi và định hướng chính sách cụ thể ở cấp đô thị lớn, trong khi Luật Bảo vệ môi trường thiên về định hướng, tổ chức và tuyên truyền ở cấp tỉnh trên phạm vi toàn quốc.	cao cấp hơn so với cả nước dựa trên các nguyên tắc và định hướng đã được quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
			Điều 26, Điều 32, Điều 38, Điều 39 Luật Nhà ở 2023	Về tính pháp lý của quy hoạch, cả hai luật đều yêu cầu chương trình phát triển nhà ở phải tuân thủ quy hoạch cấp trên. Tuy nhiên, Luật Thủ đô nâng cao tầm quan trọng bằng cách buộc kế hoạch phải phù hợp với Quy hoạch Thủ đô và Quy hoạch chung Thủ đô. Về chính sách phát triển, nếu Luật Nhà ở 2023 quy định chung về phát triển nhà ở xã hội và yêu cầu đồng bộ hạ tầng, thì Luật Thủ đô tạo ra một ưu tiên đặc thù là phải đầu tư xây dựng "các khu nhà ở xã hội độc lập".	Khoản 1 Điều 29 Luật Thủ đô sử dụng các nguyên tắc của Luật Nhà ở 2023, nhưng bổ sung thêm yếu tố ưu tiên, nhấn mạnh tính hiện đại và độc lập cho các dự án nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội. Việc phát triển NOXH độc lập, hiện đại và đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật và xã hội sẽ giúp nâng cao chất lượng sống cho người dân có thu nhập thấp, giải quyết bài toán an sinh xã hội một cách căn cơ và nhân văn hơn, phù hợp với vị thế của Thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
7	Nhà ở	Khoản 3 Điều 29 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 66, Điều 67 Luật Nhà ở 2023	Trong khi Luật Nhà ở 2023 tập trung vào việc tạo điều kiện cho chủ đầu tư tư nhân tham gia. Khi không chọn được chủ đầu tư, Luật Thủ đô cho phép Nhà nước (UBND Thành phố) trực tiếp vào cuộc với vai trò quyết định thu hồi đất (theo cơ chế đặc thù). Luật Thủ đô bổ sung quy định UBND TP quyết định đấu giá quyền sử dụng đất sau khi thu hồi và sử dụng khoản tiền chênh lệch (nếu có) để bổ sung cho người dân, tuy nhiên điều kiện là có từ hai phần ba tổng số chủ sở hữu nhà, người sử dụng đất trong phạm vi ranh giới dự án trở lên đồng thuận.	Điểm đột phá nhất của khoản 3 Điều 29 Luật Thủ đô là việc quy định đấu giá quyền sử dụng đất sau khi thu hồi và sử dụng khoản tiền chênh lệch (nếu có) để bổ sung cho người dân. Điều này không chỉ đảm bảo quyền lợi tài chính của chủ sở hữu nhà chung cư mà còn giải quyết được nguyên nhân cốt lõi khiến các dự án bị đình trệ: mức bồi thường, hỗ trợ không thỏa đáng. Bên cạnh đó, Luật Thủ đô đặt ra ngưỡng 2/3 tổng số chủ sở hữu đồng thuận để kích hoạt cơ chế Nhà nước đấu giá đất, một ngưỡng thấp hơn và trực diện hơn so với quy định cần tối thiểu 75% trong số những người tham gia đồng ý trong Điều 66 Luật Nhà ở 2023. Điều này cho phép Hà Nội vượt qua sự trì hoãn kéo dài từ một nhóm nhỏ người dân không hợp tác, đẩy

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
					nhanh tiến độ chỉnh trang đô thị vì lợi ích chung.
		Điều 30 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 4 Luật Đường bộ 2024	Trong khi Điều 4 Luật Đường bộ đặt ra định hướng và nguyên tắc phát triển (chính sách Nhà nước); áp dụng cho toàn quốc và tất cả loại hình đường bộ thì Điều 30 Luật Thủ đô trao quyền cho HĐND Thành phố ban hành chính sách cụ thể, vượt trội (chính sách địa phương); tập trung vào đô thị lớn, chống ùn tắc. HĐND quy định chính sách đầu tư và huy động nguồn lực để xây dựng, phát triển, bảo trì... (khoản 1), bao gồm cả công trình ngầm công cộng - quy định chi tiết hơn Luật Đường bộ. Bên cạnh đó, Luật Thủ đô cho phép HĐND quy định chính sách hạn chế phương tiện cá nhân và áp dụng phí giảm ùn tắc giao thông (khoản 2) - một cơ chế kiểm soát nhu cầu giao thông bằng kinh tế chưa từng có trong luật chung. Đồng thời nhấn mạnh phát triển đường sắt đô thị, nhà ga, bến xe, bãi đỗ xe ô tô (khoản 2) và trung tâm logistic để kết nối với các tỉnh, thành phố trong vùng trong khi điểm a khoản 1	Điều 30 Luật Thủ đô 2024 chính là sự cụ thể hóa, nâng cấp và bổ sung công cụ cho Luật Đường bộ tại địa bàn Hà Nội, trao cho HĐND Thành phố quyền hạn để: - Sử dụng ngân sách và nguồn lực đặc thù: Tự quyết định cơ chế thu hút vốn, không chỉ cho đường bộ mà còn cho toàn bộ hạ tầng kỹ thuật đô thị, đặc biệt là công trình ngầm. - Áp dụng biện pháp hạn chế mạnh mẽ: Cho phép Hà Nội chủ động sử dụng công cụ kinh tế như phí ùn tắc để điều tiết hành vi người dân, một biện pháp được coi là tiên tiến và hiệu quả trên thế giới, vượt ra ngoài khả năng của các địa phương khác và khung luật chung.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				Điều 8 Luật Đường bộ chỉ quy định chung về kết nối đồng bộ giữa đường bộ và các phương thức vận tải khác.	Tóm lại, nếu Luật Đường bộ là "Nguyên tắc chỉ đạo", thì Điều 30 Luật Thủ đô là "Công cụ thực thi đặc thù" để Hà Nội có thể thực hiện những nguyên tắc đó một cách linh hoạt, mạnh mẽ và hiệu quả hơn.
8	Hạ tầng, giao thông đô thị	Điều 31 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật Đường sắt số 95/2025/QH15)	Khoản 6, 7 Điều 3, điểm e khoản 3 Điều 24, Điều 25, Điều 26, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 29, khoản 3 Điều 57 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15	- Mô hình Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) trong cả hai nội dung đều được định nghĩa là giải pháp quy hoạch và phát triển đô thị tập trung dân cư và dịch vụ thương mại xung quanh các điểm kết nối giao thông công cộng khối lượng lớn (chủ yếu là đường sắt), nhằm tối ưu hóa sử dụng đất và giảm phương tiện cá nhân. Cả hai nội dung đều trao cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thẩm quyền rộng rãi trong việc điều chỉnh quy hoạch, áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật khác so với quy chuẩn quốc gia, và có cơ chế đầu tư các dự án đường sắt theo mô hình TOD tương tự như dự án nhóm A. - Tuy nhiên, Luật Thủ đô quy định cơ chế đặc thù, tập trung cho đường sắt đô thị	Điều 31 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật Đường sắt số 95/2025/QH15) thể hiện xu hướng lấy phương tiện công cộng làm trung tâm để định hướng quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng xung quanh trong tương lai của Thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				tại Thủ đô (được giữ 100% các loại tiền thu từ tăng trưởng giá trị đất) với quyền tự chủ cao hơn, trong khi Luật đường sắt áp dụng cho đường sắt quốc gia và địa phương ở cấp tỉnh, thành phố khác có sự phân chia nguồn thu (50/50 cho đường sắt quốc gia) và yêu cầu ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng khi lựa chọn tiêu chuẩn kỹ thuật cho đường sắt địa phương.	
		Khoản 1, 2 Điều 32 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Quyết định số 150/QĐ-TTg về chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững	Cả Luật Thủ đô và Quyết định 150/QĐ-TTg đều có sự tương đồng sâu sắc trong định hướng phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững, nhấn mạnh vào chất lượng, an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao, và phát triển chuỗi liên kết giá trị cùng với bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Luật Thủ đô mang tính đặc thù và vượt trội khi chỉ áp dụng cho Thủ đô, cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố được ban hành các chính sách hỗ trợ cao hơn mức quy định chung, đồng thời cụ thể hóa các cơ chế linh hoạt về sử dụng đất kết hợp đa mục đích (cho du lịch sinh thái, giáo dục trải nghiệm) và	Khoản 1, 2 Điều 32 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các mức hỗ trợ cao hơn và linh hoạt, tạo điều kiện thu hút đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các lĩnh vực ưu tiên như giống, chế biến.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				ưu tiên hỗ trợ các lĩnh vực khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp, nhằm khai thác tối đa lợi thế của một đô thị lớn.	
9	Nông nghiệp, nông thôn	Khoản 3, 4 Điều 32 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15)	Khoản 5 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15	Cả hai quy định đều thể hiện thẩm quyền quản lý của Hội đồng nhân dân, và Ủy ban nhân dân thành phố đối với đất đai, tài nguyên và nông nghiệp. Luật Thủ đô tập trung vào việc quy định chi tiết và cấp phép hành chính cho việc sử dụng đất nông nghiệp đặc thù (bãi sông, vùng sản xuất tập trung) với các hoạt động cụ thể như xây dựng công trình phục vụ sản xuất, du lịch và giáo dục trải nghiệm. Trong khi đó, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định về thẩm quyền chính sách rộng hơn, bao gồm việc quyết định các chính sách tổng thể về quản lý đất đai, nông nghiệp.	Khoản 3, 4 Điều 32 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15) tạo ra mô hình sử dụng đất nông nghiệp theo hướng đa mục đích như nông nghiệp sinh thái, du lịch trải nghiệm và chế biến sản phẩm, từ đó nâng cao giá trị đất đai và thúc đẩy kinh tế nông thôn
		Khoản 1 Điều 33 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	- Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 sửa đổi bổ sung 2020 - Điều 5 Nghị định 38/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm	Trong khi Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định mức phạt tiền cụ thể cho từng hành vi vi phạm áp dụng chung cho tất cả các lĩnh vực vi phạm hành chính, được hướng dẫn bởi các Nghị định theo từng lĩnh vực, thì Khoản 1 Điều 33 Luật Thủ đô quy định Hội đồng	Mục tiêu của cơ chế này là tạo ra tính răn đe cao hơn đối với các hành vi VPHC ở Thủ đô. Các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực nhạy cảm như trật tự đô thị, quảng cáo sai phép, vi phạm PCCC hoặc an toàn thực

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
			hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo sửa đổi bởi Nghị định 128/2022/NĐ-CP - Điều 5 Nghị định 123/2024/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai - Điều 4 Nghị định 16/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng - Điều 4 Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ;	nhân dân Thành phố quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 2 lần mức tiền phạt chung do Chính phủ quy định, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo không vượt quá mức phạt tối đa theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong 08 lĩnh vực trọng yếu của Thủ đô: Văn hóa, quảng cáo, đất đai, xây dựng, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.	phẩm, có thể gây hậu quả nghiêm trọng hơn trong một đô thị đông đúc, nên cần có mức xử phạt mạnh hơn.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
			phòng, chống bạo lực gia đình - Điều 3 Nghị định 115/2018/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm sửa đổi bởi Nghị định 124/2021/NĐ-CP - Điều 3 Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt sửa đổi bởi Nghị định 123/2021/NĐ-CP và Nghị định 168/2024/NĐ-CP - Điều 6 Nghị định 45/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường		

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
10	Trật tự, an toàn xã hội	Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 33 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 sửa đổi bổ sung bởi Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ 2024	- Khoản 4 Điều 4 Nghị định 16/2022/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng - Khoản 3 Điều 3 Nghị định 144/2021/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình	Trong khi các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ chỉ quy định về biện pháp khắc phục hậu quả thì Luật Thủ đô mở rộng biện pháp cưỡng chế sang công cụ dịch vụ công: Yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước đối với các công trình, cơ sở sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 33 và trao thẩm quyền cho Chủ tịch UBND các cấp (bao gồm cả cấp xã/phường) để áp dụng và Hội đồng nhân dân Thành phố có thẩm quyền quy định chi tiết trường hợp áp dụng, thẩm quyền áp dụng và việc thực hiện biện pháp này. biện pháp này.	Đây là biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội (cao hơn xử lý VPHC đơn thuần), cho phép áp dụng linh hoạt và nhanh chóng trong trường hợp thật cần thiết nhằm ngăn chặn nguy cơ và ép buộc chấm dứt hành vi vi phạm tức thời, đặc biệt là vi phạm về PCCC và xây dựng sai phép gây nguy hiểm cho cộng đồng. Bên cạnh đó, việc Luật Thủ đô cho phép Chủ tịch UBND các cấp áp dụng biện pháp ngừng cung cấp điện, nước mà không cần tuân thủ trình tự xử phạt VPHC thông thường thể hiện sự trao quyền hành pháp mạnh mẽ, vượt trội và gần như tuyệt đối cho chính quyền Hà Nội.
		Khoản 1 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điểm a khoản 3 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	Hai quy định này đều thể hiện cơ chế thưởng vượt dự toán thu của ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, nhằm khuyến khích tăng thu và điều quy	Khoản 1 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 sẽ thúc đẩy sự nỗ lực tăng thu của Thủ đô trong tương lai.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				định mức trần không vượt quá số thực thu tăng so với năm trước. Tuy nhiên, Luật thủ đô quy định cơ chế đặc thù cho Thủ đô với mức thưởng cố định và cao hơn là 30% và chỉ cần điều kiện tăng thu, trong khi đó, Luật ngân sách nhà nước quy định chung cho các địa phương mức thưởng tối đa thấp hơn là 20% và đi kèm thêm điều kiện ràng buộc là ngân sách trung ương không bị hụt thu so với dự toán.	
11	Tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực phát triển thủ đô	Khoản 4 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điểm e khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	Hai quy định này đều trao quyền cho Hội đồng nhân dân quyết định thu phí, lệ phí ngoài Danh mục do luật định, với các yêu cầu chung là phải phù hợp với khả năng phát triển của địa phương, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, và đảm bảo sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa. Tuy nhiên, Luật Thủ đô thể hiện quyền hạn rộng hơn khi cho phép điều chỉnh mức thu đối với các loại phí, lệ phí đã có trong Danh mục (trừ một số trường hợp), đồng thời đặt ra nhiều yêu cầu chi tiết và chặt chẽ hơn như phải có	Khoản 4 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 tăng tính chủ động và nguồn lực tài chính, tạo ra cơ chế tăng thu cho Thủ đô

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				lộ trình, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, và phải đảm bảo công khai, minh bạch, không gây tiêu cực, cho thấy tính đặc thù và yêu cầu quản lý cao hơn đối với đơn vị hành chính cấp Thành phố.	
		Khoản 6 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Khoản 5, 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	Hai nội dung này đều quy định về việc huy động vốn vay của chính quyền địa phương cấp tỉnh, với điểm tương đồng cốt lõi là việc giới hạn mức dư nợ vay tối đa theo tỷ lệ phần trăm trên số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp (mức trần cao nhất là 120%) và trường hợp huy động vượt trần đều phải trình Quốc hội quyết định. Tuy nhiên, Luật Thủ đô quy định đặc thù cho một Thủ đô với mức dư nợ đồng nhất 120% và quy trình vay hằng năm chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Quốc hội/Thủ tướng Chính phủ, trong khi Ngân sách nhà nước là quy định chung áp dụng cho mọi địa phương cấp tỉnh, phân loại rõ rệt mức trần dư nợ thành 120% cho địa phương tự cân đối và 80% cho địa phương nhận bổ sung cân đối, đồng thời quy định chi tiết hơn về bội chi ngân sách địa phương.	Khoản 6 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 giúp Thủ đô có nguồn vốn chủ động trong việc thực hiện một số dự án lớn, cấp thiết việc quá dự toán ngân sách.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
		Khoản 7 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điểm g Khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	Hai quy định này đều liên quan đến việc phân chia nguồn thu từ tiền sử dụng đất và tiền thuê đất giữa Trung ương và Địa phương. Tuy nhiên, Luật Thủ đô mô tả một cơ chế đặc thù, ưu tiên cho Thành phố, cho phép Thành phố giữ lại toàn bộ phần ngân sách với mục đích nhằm tập trung tạo nguồn lực để hỗ trợ di dời các cơ quan, đơn vị, cơ sở và thực hiện các dự án trọng điểm của Thủ đô, trong khi đó Luật Ngân sách nhà nước quy định tỷ lệ phân chia chung (Trung ương hưởng 15% hoặc 20%; Địa phương hưởng 80% hoặc 85%) áp dụng cho các địa phương, không đi kèm cơ chế giữ lại đặc biệt hay ràng buộc mục đích sử dụng cụ thể.	Khoản 7 Điều 34 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 giúp tăng cường nguồn lực và quyền tự chủ tài chính trong việc di dời các cơ quan, đơn vị ra khỏi nội đô.
		Điều 35 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 31, 32, 35 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15	Luật Ngân sách nhà nước quy định các nhiệm vụ, quyền hạn về ngân sách một cách phổ quát cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên cả nước, tập trung vào việc lập, phân bổ và quyết toán ngân sách chung, trong khi Luật Thủ đô quy định đặc thù và mở rộng về sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách dành riêng cho Thủ đô, cho phép HĐND	Điều 35 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 thể hiện sự tăng cường khả năng chủ động và linh hoạt trong quản lý và sử dụng ngân sách để thúc đẩy phát triển Thủ đô.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				Thành phố có thêm quyền hạn vượt trội để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù (như hỗ trợ di dời, hỗ trợ cơ quan trung ương, hỗ trợ địa phương khác) và được linh hoạt hơn trong quản lý tài chính (quyết định mức chi cao hơn, sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư, sử dụng kinh phí thường xuyên cho các dự án nâng cấp/xây dựng mới) nhằm thúc đẩy sự phát triển của Thủ đô.	
		Điều 36 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 40 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 71/2025/QH15	Hai quy định này đều thiết lập khuôn khổ pháp lý cho việc thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước nhằm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và đổi mới công nghệ, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, minh bạch và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, đồng thời cho phép huy động các nguồn vốn hợp pháp khác. Tuy nhiên, Luật thủ đô à quy định thí điểm, dành riêng cho Thủ đô, tập trung vào các doanh nghiệp công nghệ cao và khoa học công nghệ, với thẩm quyền quyết định thuộc về HĐND và UBND Thành phố. Trong khi đó, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	Điều 36 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 giúp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công nghệ cao có sự đảm bảo an toàn về nguồn vốn đầu tư phát triển dự án công nghệ cao.

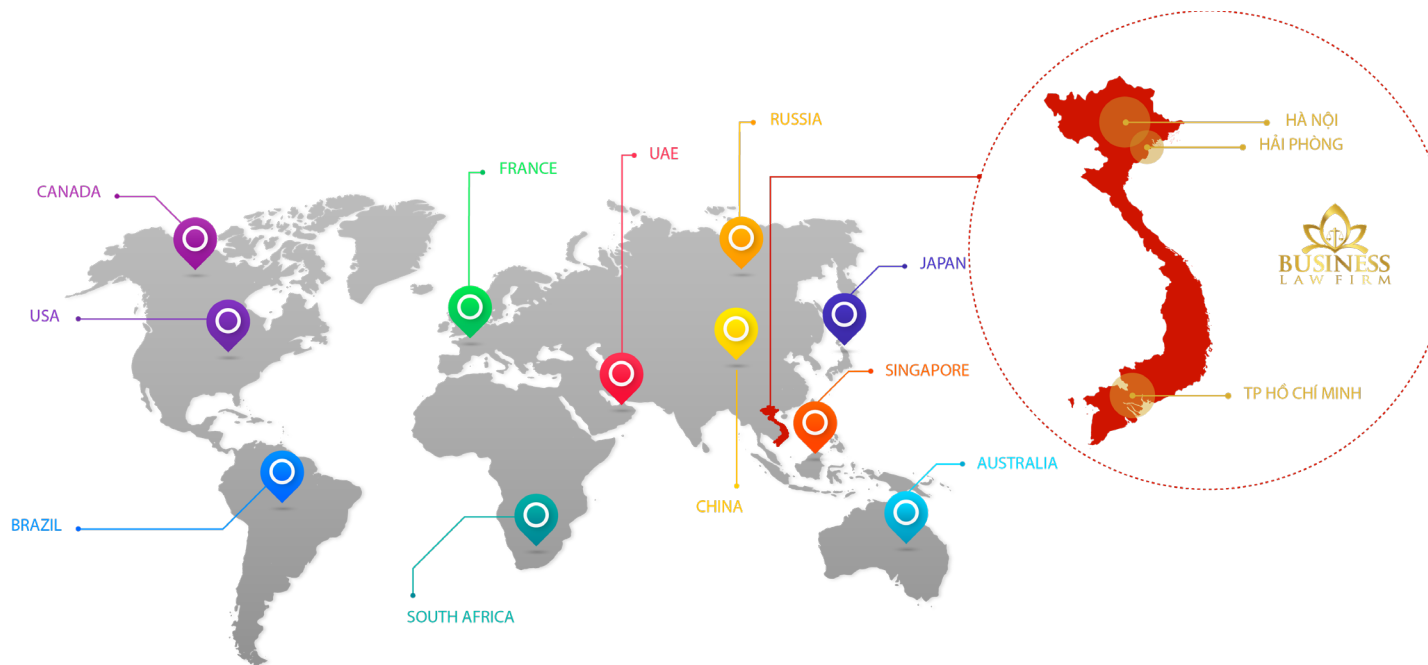
STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				là quy định chung áp dụng cho Quỹ Quốc gia và Quỹ Địa phương, có phạm vi rộng hơn và chi tiết hóa về việc miễn trách nhiệm dân sự/hành chính cho người quản lý quỹ khi tổn thất xảy ra do rủi ro khách quan, với cơ chế quản lý chi tiết do Chính phủ quy định.	
12	Đầu tư	Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đường sắt số 95/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15)	Khoản 6 Điều 17 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Điểm d khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 Khoản 4 điều 12 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 (được sửa đổi bởi Luật sửa đổi Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15)	- Khoản 2, 3 Luật Thủ đô vẫn quy định Hội đồng nhân dân Thủ đô có thẩm quyền có quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư cùng với một số dự án đặc thù khác được quy định trong Luật thủ đô - Khoản 4 Luật Thủ đô vẫn quy định Ủy ban nhân dân Thủ đô có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Công nghệ cao cùng với một số dự án đặc thù khác được quy định trong Luật thủ đô. - Bên cạnh đó,	Bên cạnh việc quy định các thẩm quyền chủ trương đầu tư tương tự như các luật chuyên ngành khác về đầu tư, Điều 37 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đường sắt số 95/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15) còn trao quyền chấp thuận chủ trương đầu tư các khu đô thị, khu công nghiệp lớn và linh hoạt trong việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
		Khoản 1 Điều 38 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công 2024 Điều 93 Luật Đất đai 2024	Điểm b khoản 2 Điều 6 Luật Đầu tư công 2024 quy định cấp có thẩm quyền khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C có quyền quyết định việc tách hoặc không tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án thành phần độc lập và chỉ quy định về thời gian thực hiện dự án thành phần độc lập được tính trong tổng thời gian bố trí vốn thực hiện dự án quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công. Trong khi đó, Luật Thủ đô quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Thành phố khi quyết định chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 37 của Luật này, dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập và quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Đồng thời quy định	Điều 38 Luật Thủ đô 2024 về tách nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành dự án độc lập là một cơ chế phá vỡ rào cản thủ tục mang tính chiến lược. Mặc dù Luật Đầu tư công 2019 và Luật Đất đai 2024 đã đặt nền tảng cho phép tách dự án GPMB độc lập, nhưng Điều 38 đã chuyển giao thẩm quyền quyết định mục tiêu, vốn và quy mô GPMB từ Trung ương về tay chính quyền Thành phố. Quan trọng hơn, Điều 38 khẳng định quyết định đầu tư dự án GPMB độc lập là căn cứ pháp lý vững chắc để bố trí vốn đầu tư công hằng năm và ra quyết định thu hồi đất. Điều này ngắt kết nối sự phụ thuộc giữa tiến độ GPMB và tiến độ phê duyệt dự án tổng thể, giúp đảm bảo nguồn lực tài chính được cấp phát kịp thời và rút ngắn đáng kể thời

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
				Quyết định đầu tư dự án độc lập là căn cứ để bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm và là căn cứ để ban hành thông báo/quyết định thu hồi đất (khoản 2). Bên cạnh đó, Quy định rõ cơ chế điều chỉnh đơn giản hơn trong trường hợp điều chỉnh dự án BT, HT, TĐC phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, cơ quan có thẩm quyền của Thành phố thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể.	gian triển khai dự án, từ đó giải quyết được nút thắt lớn nhất cản trở sự phát triển hạ tầng và kinh tế đô thị tại Thủ đô.
		Điều 43 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15	Điều 15, 16, 17 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài	Luật Thủ đô quy định nhiều ưu đãi đầu tư đặc thù dành riêng cho Thủ đô, mang tính chất hấp dẫn và cụ thể hóa cao nhằm thu hút đầu tư theo định hướng phát triển riêng của Thủ đô, sự khác biệt về ưu đãi đáng chú ý so với Luật Đầu tư là ở mức ưu đãi cao hơn và mở rộng đối tượng ưu đãi sang các lĩnh vực đặc thù của Thủ đô, Còn đối với Luật Đầu tư thì chỉ là quy định khung pháp lý chung của quốc gia, xác định các ngành nghề trọng điểm và địa bàn khó khăn được hưởng ưu đãi trên phạm vi cả nước.	Điều 38 Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 sẽ tạo ra sự thụt lớn cho nhiều nhà đầu tư cả trong và ngoài nước bởi những ưu đãi vượt trội hơn khi đầu tư vào Thủ đô

HIGHLIGHT

STT	Lĩnh vực	Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung mới nhất)	Luật chung, Luật chuyên ngành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn luật	So sánh sự tương đồng/khác biệt	Đánh giá
			sản công 2025; Luật Tài nguyên nước 2023		



HA NOI HEAD OFFICE

Suit 12B05, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh, Tay Ho Ward, Ha Noi City

HOCHIMINH OFFICE

115 Dang Van Ngu, Phu Nhuan Ward, HCM City

HAI PHONG OFFICE

161/41 Thien Loi, An Bien Ward, Hai Phong City

CONTACT

Phone: (+84) 24 62751708

Fax: (+84) 24 62751707

Email: info@blf.com.vn

Website: <https://blf.com.vn>

